

# LÝ THUYẾT NGƯỜI ĐẠI DIỆN, LÝ THUYẾT TRÒ CHƠI VÀ BÀI TOÁN NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Trần Việt Lâm\*

*Các doanh nghiệp có vốn nhà nước đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, qua thực tế nhiều doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả thấp, thất thoát tài sản một câu hỏi đặt ra là trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp như thế nào? Rất khó tìm được câu trả lời đặc biệt là xác định trách nhiệm của cá nhân. Vì vậy cần thiết phải giải quyết bài toán người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.*

*Do sự không đối xứng, không hoàn hảo về thông tin giữa người ủy quyền và người đại diện, việc tồn tại chi phí người đại diện là tất yếu. Dựa trên những kết luận của Lý thuyết người đại diện và Lý thuyết trò chơi, bài báo đưa ra những đề xuất ban đầu có tính nguyên tắc nhằm giảm bớt chi phí người đại diện và có thể xác định được trách nhiệm của cá nhân người đại diện vốn nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước có rất nhiều nội dung phải triển khai, song chắc chắn một nội dung quan trọng cần phải được giải quyết đó là lựa chọn người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.*

**Từ khóa:** Lý thuyết người đại diện, Lý thuyết trò chơi, Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

## 1. Lý thuyết người đại diện

Lý thuyết người đại diện ra đời vào đầu những năm 1970 khi các nhà kinh tế nghiên cứu việc phân chia rủi ro giữa người ủy quyền và người đại diện do họ có mục tiêu và sự phân công lao động khác nhau. Người ủy quyền (chủ sở hữu) giao phó công việc cho người đại diện thông qua một hợp đồng. Những vấn đề mà Lý thuyết người đại diện nghiên cứu chỉ xuất hiện trong chừng mực mà lợi ích của người ủy quyền và người đại diện có sự khác nhau và nhất là giữa họ có thông tin không hoàn hảo (không có toàn bộ thông tin xác đáng) về trạng thái và hành vi của các tác nhân, thông tin không đối xứng giữa các tác nhân (thường thì người đại diện biết nhiều hơn người ủy quyền về công việc mình phải làm). Sự tồn tại của thông tin không hoàn hảo và thông tin không đối xứng dẫn tới những hành vi

ơ hội của người đại diện. Có hành vi cơ hội trước khi ký hợp đồng khi người ủy quyền không có đầy đủ thông tin về người đại diện dẫn tới việc mà Lý thuyết người đại diện gọi là sự lựa chọn nghịch. Có những hành vi cơ hội sau khi ký hợp đồng khi người ủy quyền không tuân thủ những điều khoản của hợp đồng dẫn tới việc mà Lý thuyết người đại diện gọi là rủi ro đạo đức. Sự không hoàn hảo, không đối xứng về thông tin giữa người ủy quyền và người đại diện dẫn tới chi phí người đại diện. Lý thuyết người đại diện tập trung nghiên cứu việc xây dựng hợp đồng giữa người ủy quyền và người đại diện, các giải pháp để giảm chi phí người đại diện. Lý thuyết người đại diện được tiến hành theo hai nhánh, nghiên cứu thực chứng (Positivist Agency Theory) và nghiên cứu chuẩn tắc (Principal-Agent Research). Cả hai nhánh đều có mục tiêu nghiên cứu như nhau, dựa trên những giả thiết như nhau về

Hình 1: Tổng quan Lý thuyết người đại diện

<b>Tư tưởng cơ bản</b>	Quan hệ người ủy quyền-người đại diện sẽ phản ánh việc tổ chức hiệu quả về thông tin và chi phí chịu rủi ro
<b>Đối tượng phân tích</b>	Hợp đồng giữa người ủy quyền và người đại diện
<b>Những giả thiết về con người</b>	Tư lợi; tính hợp lý bị giới hạn; né tránh rủi ro
<b>Những giả thiết về tổ chức</b>	Mục tiêu bộ phận là mâu thuẫn giữa các thành viên; hiệu suất là tiêu chuẩn có hiệu lực; thông tin không đối xứng giữa người ủy quyền và người đại diện
<b>Giả thiết về thông tin</b>	Thông tin là hàng hóa có thể mua được
<b>Vấn đề ký kết hợp đồng</b>	Đối với người đại diện có rủi ro về đạo đức và rủi ro lựa chọn nghịch; chia sẻ rủi ro
<b>Phạm vi nghiên cứu</b>	Các mối quan hệ trong đó người ủy quyền và người đại diện có mục tiêu khác nhau nhất định và chấp nhận rủi ro.

Nguồn: Kathleen M.Eisenhardt (1989, tr.59)

con người, về tổ chức và về thông tin. Nếu nghiên cứu thực chứng đưa ra kết luận dựa trên việc điều tra khảo sát đánh giá một số lượng lớn các doanh nghiệp thì nghiên cứu chuẩn tắc đưa ra kết luận dựa trên việc mô hình hóa và phân tích toán học chặt chẽ. Các kết luận mà nghiên cứu thực chứng và nghiên cứu chuẩn tắc đưa ra không mâu thuẫn nhau mà luôn bổ sung cho nhau.

Thực tế, không thể có một hợp đồng hoàn hảo giữa người ủy quyền và người đại diện vì vậy vấn đề người đại diện luôn tạo ra một chi phí gọi là chi phí người đại diện. Chi phí người đại diện là những chi phí tiền tệ và phi tiền tệ mà các bên phải gánh chịu do sự cần thiết phải thiết lập những hệ thống ràng buộc và kiểm tra. Chi phí người đại diện gồm 3 bộ phận cấu thành, chi phí cho việc kiểm tra và động viên, chi phí nghĩa vụ và chi phí do mất mát phụ trội. Chi phí cho việc kiểm tra và động viên là những chi phí do người ủy quyền bỏ ra để kiểm tra, định hướng hành vi của người đại diện. Chi phí nghĩa vụ là những chi phí mà người đại diện gánh chịu để đảm bảo là mình không gây ra những hành động làm thiệt hại người ủy quyền hay để có thể bồi thường cho người ủy quyền khi cần thiết. Chi phí do mất mát phụ trội là phần chênh lệch không thể tránh được giữa kết quả hành động của người đại diện đối với người ủy quyền và kết quả của hành động thật sự vì mục đích tối đa hóa lợi ích của người ủy quyền mang lại (Benjamin Coriat, Oliver Weinstein, 2011). Lý thuyết người đại diện tập trung vào trả lời

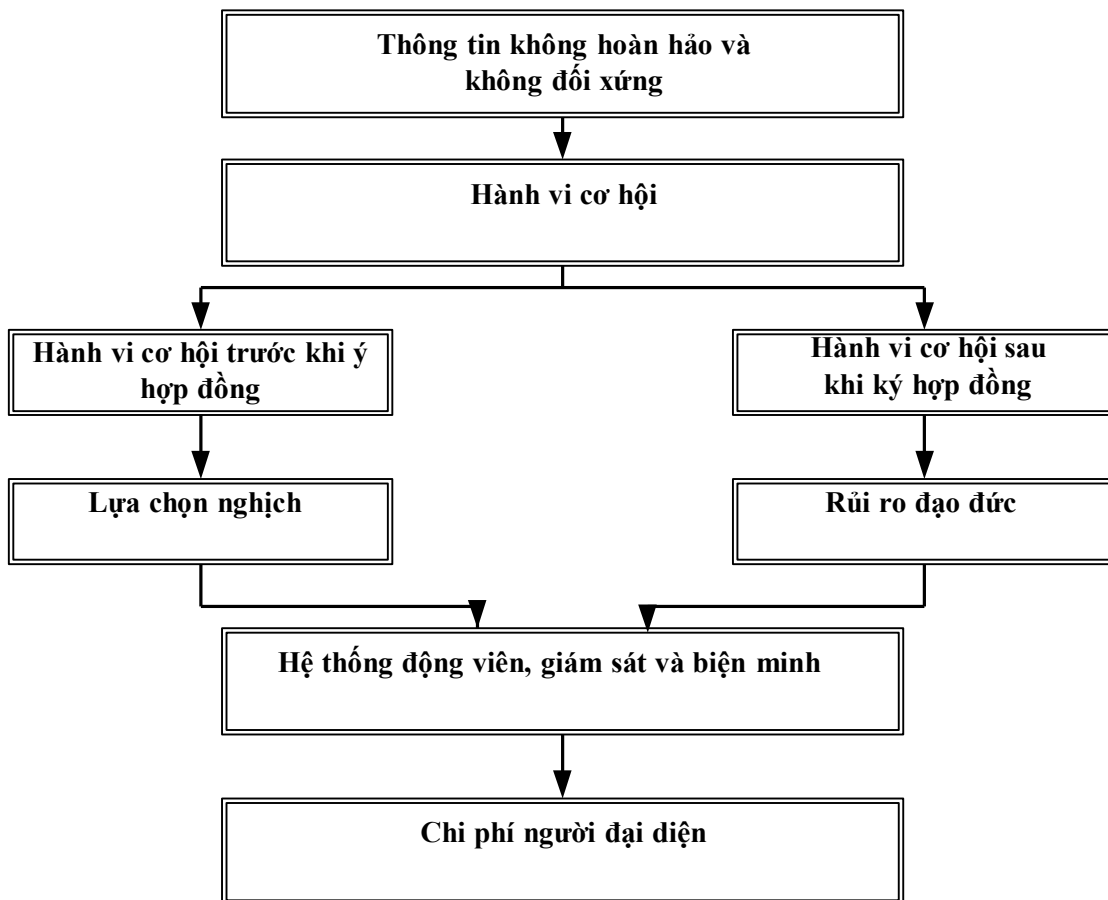
những câu hỏi sau đây: làm thế nào để xây dựng một hệ thống động viên và theo dõi khiến người đại diện có thể ứng xử với mục tiêu tối đa hóa lợi ích của người ủy quyền? làm thế nào để giảm chi phí người đại diện trong điều kiện thông tin không hoàn hảo bằng những cơ chế thị trường?

Nghiên cứu thực chứng của Lý thuyết người đại diện tập trung tìm hiểu cấu trúc hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty cổ phần để nhận biết tình huống mà người ủy quyền và người đại diện có thể có những mục tiêu mâu thuẫn và mô tả những cơ chế quản lý nhằm hạn chế hành vi phục vụ lợi ích cá nhân của người đại diện. Nghiên cứu chuẩn tắc của Lý thuyết người đại diện đi sâu vào việc hình thức hóa cấu trúc thông tin cho những mô hình khác nhau khi xác định hợp đồng tối ưu giữa người ủy quyền và người đại diện. Nghiên cứu thực chứng của Lý thuyết người đại diện đã đưa ra những kết luận sau (Michael C.Jensen, William H. Meckling, 1976):

- Người đại diện hành xử vì lợi ích của người ủy quyền nhiều hơn khi hợp đồng giữa người ủy quyền và người đại diện dựa trên kết quả, hay nói cách khác, hợp đồng dựa trên kết quả là hiệu quả trong việc kiểm chế hành vi cơ hội của người đại diện;

- Người đại diện hành xử vì lợi ích của người ủy quyền nhiều hơn khi người ủy quyền có hệ thống thông tin kiểm tra hoạt động của người đại diện, hay nói cách khác hệ thống thông tin kiểm tra hoạt động của người đại diện có khả năng kiểm chế hành vi cơ

**Hình 2: Chi phí người đại diện**



*Nguồn: Olivier Bouba-Olga (2010, tr.42)*

hội của người đại diện;

- Chi phí người đại diện càng lớn khi người đại diện sở hữu ít hoặc không sở hữu cổ phiếu của công ty hay nói cách khác sở hữu của người đại diện trong doanh nghiệp tăng lên thì hành vi cơ hội của người đại diện sẽ giảm đi.

Các nghiên cứu chuẩn tắc của Lý thuyết người đại diện thường trừu tượng, nặng về toán học nên việc vận dụng luôn khó khăn đối với nhà quản lý, song kết quả thu được đã cung cấp cơ sở để hiểu Lý thuyết người đại diện và luôn có ý nghĩa bổ sung cho những kết quả thu được từ nghiên cứu thực chứng. Nếu như nghiên cứu thực chứng nhận dạng những hợp đồng khác nhau giữa người ủy quyền và người đại diện có thể lựa chọn thì nghiên cứu chuẩn tắc chỉ ra hợp đồng nào là hiệu quả nhất với những mức độ khác nhau về sự không chắc chắn của kết quả, sự lo ngại về rủi ro, thông tin và những biến số khác.

Trong trường hợp việc quan sát hoạt động của

người đại diện không dễ dàng (liên quan với rủi ro đạo đức hay lựa chọn nghịch), người ủy quyền có hai sự lựa chọn. Thứ nhất, xây dựng hệ thống thông tin để phát hiện hành vi của người đại diện (như xây dựng hệ thống ngân sách, quá trình báo cáo, hội đồng quản trị, các lớp bổ sung về quản trị); thứ hai là ký kết hợp đồng dựa trên kết quả hoạt động của người đại diện. tức là với một cái giá nào đó để chuyển rủi ro đến người đại diện. Kết quả hoạt động của người đại diện thường là không chắc chắn. Khi sự không chắc chắn của kết quả là thấp thì chi phí chuyển rủi ro đến người đại diện là thấp và hợp đồng dựa trên kết quả là hấp dẫn. Tuy nhiên khi tính không chắc chắn của kết quả tăng lên, chi phí chuyển rủi ro đến người đại diện tăng lên. Nghiên cứu chuẩn tắc đã đưa ra những kết luận sau (Kathleen M.Eisenhardt,1989):

- Hệ thống thông tin là phù hợp với hợp đồng dựa trên hành vi và là không phù hợp với hợp đồng dựa trên kết quả;

- Hợp đồng dựa trên hành vi là phù hợp với sự không chắc chắn của kết quả, hợp đồng dựa trên kết quả là không phù hợp với sự không chắc chắn của kết quả;

- Sự né tránh rủi ro của người đại diện tăng lên với hợp đồng dựa trên hành vi và giảm đi với hợp đồng dựa trên kết quả;

- Sự né tránh rủi ro của người ủy quyền giảm đi đối với hợp đồng dựa trên hành vi và tăng lên với hợp đồng dựa trên kết quả;

- Sự mâu thuẫn về mục tiêu giữa người ủy quyền và người đại diện giảm đi đối với hợp đồng dựa trên hành vi và tăng lên đối với hợp đồng dựa trên kết quả.

## 2. Lý thuyết trò chơi

Lý thuyết trò chơi là một lĩnh vực của toán học ứng dụng nghiên cứu các quyết định được đưa ra trong tình huống các đấu thủ tương tác với nhau, tức là tình huống trong đó các đấu thủ lựa chọn các hành động khác nhau để cố gắng làm tối đa kết quả nhận được. Mặc dù có một số nghiên cứu từ trước nhưng có thể coi Lý thuyết trò chơi ra đời sau những bài báo của nhà toán học John von Neumann vào năm 1928 và đặc biệt là sau cuốn sách “Lý thuyết trò chơi và hành vi kinh tế” của John von Neumann và Oskar Morgenstern xuất bản vào năm 1944. John von Neumann cho rằng bất cứ trò chơi cạnh tranh nào cũng đều có thể mô hình hóa theo một cấu trúc đơn giản bao gồm một tập hợp các đấu thủ, mỗi một đấu thủ lựa chọn chiến lược chơi riêng độc lập hoàn toàn với những đấu thủ khác, mỗi đấu thủ có một tập hợp các chiến lược và một hàm lợi ích, phản ánh lợi ích mà đấu thủ thu được với những tình huống lựa chọn chiến lược khác nhau của các đấu thủ. Năm 1950, John Nash đã phát triển một định nghĩa về chiến lược tối ưu cho trò chơi với nhiều đấu thủ và chưa một tối ưu nào được định nghĩa trước đó. Đó là khái niệm cân bằng Nash. Khái niệm cân bằng Nash cùng với trò chơi dạng chuẩn tắc của John von Neumann đã cho một phương pháp tổng quát đầy đủ để phân tích cả trò chơi hợp tác và trò chơi không hợp tác (Robert Gibbons, 1992). Lý thuyết trò chơi được sử dụng trong nhiều ngành khoa học khác nhau. Trong kinh tế, sự phát triển mạnh mẽ của Lý thuyết trò chơi đã giúp cho chúng ta có những hiểu biết hết sức sâu sắc đối với các lý thuyết kinh tế. Trong kinh doanh, Lý thuyết trò chơi là công cụ hữu hiệu giúp chúng ta mô tả các tình

huống trong kinh doanh, đặc biệt là những tình huống có nhiều yếu tố liên hệ tương tác qua lại lẫn nhau và không một quyết định nào có thể đưa ra một cách hoàn toàn độc lập với các quyết định khác. Cũng như hướng nghiên cứu chuẩn tắc của Lý thuyết người đại diện, Lý thuyết trò chơi luôn được trình bày dưới dạng toán học phức tạp gây khó khăn cho mọi người khi tìm hiểu. Lý thuyết trò chơi thực hành đã tìm cách diễn tả những nguyên tắc cơ bản của Lý thuyết trò chơi bằng những ngôn ngữ dễ hiểu hơn. Lý thuyết trò chơi thực hành đưa ra khái niệm tư duy chiến lược, đó là nghệ thuật vượt qua đối thủ cạnh tranh với nhận thức rằng họ cũng đang cố gắng vượt qua mình. Tư duy chiến lược đúng đắn trong nhiều hoàn cảnh khác nhau vẫn luôn là một nghệ thuật nhưng nền tảng của nó được xây dựng dựa trên những nguyên tắc cơ bản của Lý thuyết trò chơi (Avinash K. Dixit, Barry J. Nalebuff, 2007). Trong phần 2 của bài báo chúng ta sẽ tìm hiểu một số bài toán từ Lý thuyết trò chơi thực hành có thể sử dụng khi coi quan hệ giữa người đại diện và người ủy quyền là một trò chơi hai đấu thủ. Cũng như các bài toán khác được xây dựng và giải quyết từ Lý thuyết trò chơi, tính gợi mở cho tư duy luôn quan trọng hơn những kết quả tính toán cụ thể.

### *Bài toán đấu giá*

Giả sử có một dự án kinh doanh (xây dựng một đoạn đường cao tốc, cung ứng vật tư,...) mà kết quả cần đạt đã được xác định và người ủy quyền lựa chọn người đại diện dưới dạng đấu giá. Đây là một bài toán của Lý thuyết trò chơi, người ủy quyền là một đấu thủ và mỗi ứng viên để lựa chọn người đại diện là đấu thủ còn lại. Mỗi ứng viên sẽ đưa ra mức giá của mình (chi phí để thực hiện dự án) và người đưa ra mức giá thấp nhất sẽ được lựa chọn là người đại diện. Lý thuyết trò chơi đã chỉ ra rằng các ứng viên sẽ không bao giờ đấu thầu với mức giá thấp hơn chi phí của mình nhưng các ứng viên thường đấu thầu với mức giá được nâng lên so với chi phí thực. Trong Lý thuyết trò chơi điều này có nghĩa là chiến lược chào giá cao hơn của người tham dự lần đầu tiên chiến lược chào giá trung thực. Một cơ chế đơn giản mà người ủy quyền có thể sử dụng là lựa chọn người đại diện chính là người chào giá thấp nhất nhưng trả cho họ mức giá bằng mức giá của người chào thấp thứ hai. Đó hình thức đấu giá kiểu Vickrey. Đấu giá kiểu Vickrey có nghĩa là mỗi người tham dự sẽ chào giá của mình trong một

phong bì kín và người chào giá thấp nhất sẽ thắng cuộc với mức giá phải trả là giá của người chào thấp thứ hai. Lý thuyết trò chơi đã chứng minh được rằng, với đấu giá kiểu Vickrey, chiến lược lần át của những người tham dự là chào giá đúng bằng chi phí thực của mình (Avinash K. Dixit, Bary J. Nalebuff, 2007).

### ***Bài toán khuyến khích***

Người ủy quyền cần phải đưa ra những khuyến khích nhằm tạo ra nỗ lực cho người đại diện. Giả sử với một dự án kinh doanh, khi người đại diện nỗ lực với mức độ cao, xác suất thành công là  $p$  còn nếu nỗ lực ở mức trung bình xác suất thành công chỉ là  $q$ . Với nỗ lực trung bình, thu nhập của người đại diện là  $a$ , còn với nỗ lực cao thu nhập của người đại diện là  $b$ . Chiến lược lần át của người ủy quyền là tạo ra lương, thưởng để người đại diện nỗ lực với mức độ cao. Song, vấn đề là nếu nhìn vào công việc hàng ngày thì người ủy quyền không thể phân biệt được là người đại diện nỗ lực trung bình hay nỗ lực cao. Khi không thể quan sát được chất lượng của nỗ lực, người ủy quyền phải xây dựng chế độ lương thưởng cho người đại diện dựa trên những cái mà có thể quan sát được. Người ủy quyền cần đưa ra cho người đại diện mức thu nhập phụ thuộc vào kết quả cuối cùng: tổng thu nhập sẽ cao hơn nếu dự án thành công xuất sắc và thấp hơn trong trường hợp dự án thành công trung bình. Phần chênh lệch giữa  $b$  và  $a$  hay chính là tiền thưởng khi dự án thành công cần phải vừa đủ để khi xuất phát từ lợi ích cá nhân người đại diện sẽ nỗ lực ở mức độ cao. Tuy nhiên dự án vẫn có thể thất bại với xác suất là  $(1-p)$  và cả về mặt lý thuyết cũng như thực tế cho thấy người ủy quyền rất khó để đưa ra mức phạt khi dự án thất bại. Lý thuyết trò chơi đã chỉ ra rằng, để có cơ chế thưởng phạt gắn nỗ lực của người đại diện với kết quả thành công của dự án cần chia sẻ vốn góp, tức là người đại diện sẽ tham gia góp vốn vào việc thực hiện dự án (Avinash K. Dixit, Bary J. Nalebuff, 2007). Lý thuyết người đại diện khi nghiên cứu về vấn đề này cũng đi đến kết luận là chi phí người đại diện càng lớn khi người đại diện ít hoặc không sở hữu vốn của doanh nghiệp.

### ***Bài toán hợp tác***

Trong thực tế thường gặp tình huống người đại diện của người đại diện, bài toán hợp tác xét trường hợp có 2 đại diện của người ủy quyền, đại diện 1 và đại diện 2, đại diện 2 là đại diện của đại diện 1 tại

doanh nghiệp. Người ủy quyền đã quyết định lựa chọn hai đại diện và dự án kinh doanh là có lợi nhuận. Bằng sự kết hợp nỗ lực của hai đại diện sẽ làm tăng tổng thu nhập và họ phải thỏa thuận về việc phân chia thu nhập đó. Giả sử dự án thành công và chi phí của đại diện 2 gấp  $k$  lần chi phí của đại diện 1. Nếu lấy tổng thu nhập trừ đi chi phí của hai đại diện và sau đó chia phần thu nhập còn lại cho 2 đại diện theo tỷ lệ  $k$  thì Lý thuyết trò chơi đã chỉ ra rằng, đòi chia thu nhập theo tỷ lệ  $k$  trong khi chi phí thực tế thấp là chiến lược lần át của đại diện 2. Nếu cơ chế khuyến khích là để lại toàn bộ thu nhập cho đại diện 2 sau khi hoàn lại chi phí cho đại diện 1 thì nói thật chi phí của mình là chiến lược lần át của đại diện 2. Hệ thống khuyến khích này tạo cho đại diện 2 động cơ để đưa ra những quyết định có hiệu quả. Ngược lại, nếu cơ chế khuyến khích là để lại toàn bộ thu nhập cho đại diện 1 sau khi hoàn lại chi phí cho đại diện 2 thì nói thật chi phí của mình là chiến lược lần át của đại diện 1. Hệ thống khuyến khích này tạo cho đại diện 1 động cơ để đưa ra những quyết định có hiệu quả. Bài toán hợp tác quan tâm đến việc xây dựng một hợp đồng để cả đại diện 1 và đại diện 2 luôn nói ra mức chi phí của mình một cách trung thực và luôn đưa ra những quyết định có hiệu quả (Avinash K. Dixit, Bary J. Nalebuff, 2007).

### **3. Bài toán người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ bao gồm doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) và doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở nên). Vốn Nhà nước cũng được đầu tư vào những doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ. Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp (Chính phủ, 2012). Bài toán người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp vốn đã phức tạp từ bản thân vấn đề người đại diện, lại càng phức tạp hơn do những đặc thù riêng của chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trước thực tế thất thoát nguồn vốn, hoạt động kinh doanh kém hiệu quả tại nhiều doanh nghiệp có sự tham gia của vốn nhà nước, một câu hỏi cần được trả lời là những ai phải

chịu trách nhiệm về thực trạng này. Khả năng tiếp cận với câu trả lời sẽ tốt hơn nếu ngay từ đầu, việc lựa chọn người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp được tiến hành dựa trên những kết luận mà Lý thuyết người đại diện, Lý thuyết trò chơi đã rút ra.

Trước hết phải khẳng định rằng chủ sở hữu của các doanh nghiệp có vốn nhà nước là toàn dân song toàn dân chỉ có thể thực hiện chức năng chủ sở hữu của mình thông qua một tổ chức và tổ chức này sẽ lựa chọn người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Do đặc điểm của các doanh nghiệp có vốn nhà nước hiện nay có nhiều đầu mối thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước. Việc có quá nhiều đầu mối thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước, không tách bạch chức năng chủ sở hữu nhà nước và chức năng quản lý nhà nước dẫn đến tính thiếu chuyên nghiệp của tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước, hiệu lực giám sát của chủ sở hữu không hiệu quả và làm tăng chi phí người đại diện. Vì vậy cần phải tách bạch chức năng quản lý nhà nước và chức năng chủ sở hữu nhà nước. Hiện nay có 4 mô hình đề xuất để lựa chọn tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước:

- Mô hình thứ nhất là thành lập cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước tại các công ty TNHH một thành viên và phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp là công ty mẹ trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;

- Mô hình thứ hai là không thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước thuộc Chính phủ mà chỉ ở cấp Bộ;

- Mô hình thứ ba là Chính phủ thống nhất thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước thông qua Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC);

- Mô hình thứ tư là thống nhất quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước và phân công phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tại từng loại hình doanh nghiệp.

Từ Lý thuyết người đại diện cho thấy khi có nhiều tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước, việc lựa chọn người đại diện rất dễ xảy ra làm tăng chi phí người đại diện. Vì vậy dưới góc độ giảm chi phí người đại diện thì mô hình thứ ba là phù hợp. Đây cũng là mô hình quản lý tập trung phù

hợp với mục tiêu tách bạch hoàn toàn giữa chức năng chủ sở hữu nhà nước và chức năng quản lý nhà nước.

Quan hệ giữa đại diện chủ sở hữu nhà nước và người đại diện là quan hệ theo hợp đồng và nếu đây là một bài toán của Lý thuyết trò chơi thì hợp đồng này phải xác định luật chơi một cách rõ ràng, minh bạch ngay từ đầu. Hợp đồng phải xác định rõ ràng quyền lợi và trách nhiệm của người lựa chọn và người được lựa chọn gắn với mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn của chủ sở hữu nhà nước, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn nhà nước. Tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước phải có khả năng xây dựng hợp đồng với người đại diện sao cho chi phí người đại diện là thấp nhất. Đó có thể là hợp đồng dựa trên kết quả mà cũng có thể là hợp đồng dựa trên hành vi. Do tính không chắc chắn của kết quả hoạt động kinh doanh, việc xây dựng hợp đồng dựa trên kết quả là khó khăn. Vì vậy, đối với những doanh nghiệp có vốn nhà nước, khi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã được xác định rõ ràng cả về quy mô và chất lượng, việc lựa chọn người đại diện hoàn toàn có thể tiến hành theo hình thức đấu thầu kiểu Vickrey. Người đại diện chính là người thực hiện các nhiệm vụ của chủ sở hữu với chi phí thấp nhất song phải trả cho chủ sở hữu với mức giá của người chào giá thấp thứ hai. Lựa chọn người đại diện theo hình thức đấu thầu kiểu Vickrey trên cơ sở hợp đồng dựa trên kết quả sẽ hạn chế chi phí người đại diện.

Lý thuyết người đại diện đã chỉ ra rằng khuyến khích, tạo động lực cho người đại diện là biện pháp quan trọng để giảm chi phí người đại diện. Các biện pháp khuyến khích ở đây là có thưởng, có phạt và thưởng phạt gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các biện pháp khuyến khích phải được thể hiện rõ ràng trong hợp đồng giữa người thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước và người đại diện. Hiện nay, hình thức phổ biến là doanh nghiệp chịu trách nhiệm trả lương, thưởng cho người đại diện phần vốn nhà nước và Nhà nước cũng có quy định là hàng tháng người đại diện được hưởng thù lao do đại diện chủ sở hữu chi trả. Song các quy định này còn quá chung chung và đặc biệt là chưa gắn lương thưởng của người đại diện với kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Như bài toán khuyến khích đã chỉ ra, việc

đưa những điều khoản phạt đối với người đại diện là rất khó khăn. Vì vậy, ngay khi lựa chọn người đại diện cũng như lương thưởng sau này cần tạo điều kiện để người đại diện trở thành cổ đông của công ty bằng việc thưởng cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu. Nếu lựa chọn người đại diện theo quan điểm là chuyên gia giỏi trong việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, là một cổ đông của doanh nghiệp thì sẽ góp phần làm giảm chi phí người đại diện.

Một vấn đề khác cần giải quyết là tại các doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tại các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước sẽ lựa chọn một người hay nhiều người đại diện. Nếu lựa chọn một người đại diện, tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước sẽ lựa chọn Chủ tịch công ty (trường hợp doanh nghiệp có vốn nhà nước là công ty trách nhiệm hữu hạn), lựa chọn Chủ tịch hội đồng quản trị (trường hợp doanh nghiệp có vốn nhà nước là công ty cổ phần). Nếu lựa chọn nhiều người đại diện, tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu sẽ lựa chọn Chủ tịch Công ty và các thành viên của Hội đồng thành viên, lựa chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước chỉ lựa chọn một người đại diện thì Chủ tịch Công ty sẽ lựa chọn các thành viên của Hội đồng thành viên, Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ lựa chọn các thành viên của Hội đồng quản trị. Tình huống người đại diện của người đại diện xuất hiện, chi phí người đại diện đối với chủ sở hữu sẽ tăng lên. Vì vậy, cách tốt nhất là tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước lựa chọn Chủ tịch công ty và các thành viên của Hội đồng thành viên, lựa chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên của Hội đồng quản trị. Bài toán hợp tác của Lý thuyết trò chơi đã chỉ ra rằng cần phải xây dựng hợp đồng thưởng phạt giữa những người đại diện tại một doanh nghiệp như thế nào để tạo động lực cho họ, giảm chi phí người đại diện cho chủ sở hữu.

Doanh nghiệp nhà nước là tài sản của toàn dân và đại diện cho toàn dân là Quốc hội. Vì vậy Quốc hội phải có cơ chế giám sát hoạt động của tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Chi phí kiểm tra giám sát là chi phí bắt buộc phải có, thuộc chi phí người đại diện. Song nếu Quốc hội xây dựng

được một hệ thống thông tin và một cơ chế kiểm tra giám sát hiệu quả thì sẽ giảm được chi phí nghĩa vụ và chi phí do mất mát phụ trội, tức là làm giảm được chi phí người đại diện. Nâng cao hiệu quả kinh doanh là điều kiện bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cơ chế kinh tế thị trường. Các doanh nghiệp có vốn nhà nước cũng sẽ không thực hiện được những nhiệm vụ khác của mình nếu hoạt động kinh doanh không hiệu quả. Quốc hội phải có đầy đủ thông tin để đánh giá được hiệu quả kinh doanh và thực trạng tài chính tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Phải xây dựng được tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh cho từng doanh nghiệp có vốn nhà nước. Nếu không làm được điều đó thì Quốc hội sẽ không thực hiện được chức năng kiểm tra giám sát của mình, chi phí người đại diện tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước sẽ là rất lớn.

Hiện nay có nhiều ý kiến cho rằng nên lựa chọn mô hình Chính phủ thống nhất thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thông qua Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Đây là mô hình quản lý tập trung phù hợp với mục tiêu tách bạch giữa chức năng chủ sở hữu nhà nước và chức năng quản lý nhà nước. Nếu theo mô hình này, do số lượng doanh nghiệp có vốn nhà nước còn lớn cùng với những đòi hỏi đối với người thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước, những yêu cầu đặt ra đối với SCIC là rất lớn. Vì vậy, để triển khai mô hình một tổ chức duy nhất thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước cần tiếp tục sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng thu hẹp ngành, lĩnh vực hoạt động và số lượng doanh nghiệp. SCIC phải có trách nhiệm giải trình việc thực hiện các chức năng của mình trước Quốc hội và Quốc hội phải thực hiện chức năng kiểm tra giám sát hoạt động của SCIC và những người đại diện phần vốn nhà nước do SCIC lựa chọn. Để giảm chi phí người đại diện, việc thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa thông tin về doanh nghiệp có vốn nhà nước theo mô hình công bố thông tin của doanh nghiệp niêm yết là một công việc cần phải triển khai trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Giải quyết bài toán người đại diện phần vốn nhà nước là một nội dung quan trọng của quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước nhưng cũng chính quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi để giải bài toán này. □

**Tài liệu tham khảo:**

- Avinash K. Dixit, Bary J. Nalebuff, (2007), *Tư duy chiến lược (Lý thuyết trò chơi thực hành)*, dịch bởi Nguyễn Tiến Dũng và Lê Ngọc Liên, Nhà xuất bản Tri Thức, Hà Nội.
- Benjamin Coriat, Oliver Weinstein (2011), *Những lý thuyết mới về doanh nghiệp*, dịch bởi Nguyễn Đôn Phước, Nhà xuất bản Tri Thức, Hà Nội.
- Chính Phủ (2012), *Nghị định số 99/2012/NĐ-CP về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp*, ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012.
- Kathleen M.Eisenhardt (1989), ‘Agency Theory: An Assessment and Review’, *The Academy of Management Review*, Vol.14, No.1, pp.57-74.
- Michael C.Jensen, William H. Meckling (1976), ‘Theory of the Firm: Managerial Behavior, Agency Cost and Ownership Structure’, *Journal of Financial Economics*, Vol.3, No.4, pp. 305-360.
- Olivier Bouba-Olga, (2010), *Kinh tế học doanh nghiệp*, dịch bởi Nguyễn Đôn Phước, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
- Robert Gibbons (1992), *Game Theory for Applied Economists*, Princeton University Press.

**Agency theory, game theory and problem of state capital representatives**

*Abstract:*

*State-owned enterprises play a vital role in the socialist-oriented market economy. Nevertheless, there is a fact that numerous state-owned enterprises operate with low efficiency resulting in capital losses. This fact raises the question whether the responsibility is of the state capital representatives or the owner’s representatives. It is extremely complicated to determine the responsibilities of individuals. Therefore, there is a need to solve the problem of the state capital representatives.*

*Due to the imperfect and asymmetry information between the principal and the agent, the existence of agency costs are inevitable. Derived from the conclusions of the agency theory and the game theory, this article proposes initial principles to reduce the agency costs and to determine the responsibilities of the agent representing the state capital for production and business activities of the enterprises. Concerning restructuring state-owned enterprises, there are a lot of contents considered necessary but definitely one of the most significant one is selection of state capital representatives.*

---

**Thông tin tác giả:**

**\*Trần Việt Lâm**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Nơi công tác: Khoa Quản trị kinh doanh, Trường đại học Kinh tế quốc dân.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Chiến lược kinh doanh toàn cầu, Các phương pháp định lượng trong quản lý.

- Các tạp chí đã đăng tải công trình: Tạp chí Kinh tế & Phát triển, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Vietnam Economic Review.

Email: vietlam\_neu@yahoo.com.vn